

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2022/HNGĐ-PT**

Ngày: 04 - 8 - 2022

“V/v tranh chấp tài sản sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức;

Các Thẩm phán:

1. Bà Đinh Thị Tuyết;

2. Ông Vũ Văn Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình- Thư ký Tòa án .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 07/2022/TLPT-HNGĐ, ngày 13/5/2022, về việc *“Tranh chấp tài sản sau ly hôn”*. Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 30/3/2022 của Toà án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2022/QĐ-PT ngày 13/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐ-PT ngày 27/7/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; Có mặt

Địa chỉ: Đường N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi tạm trú: Đường A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy Đ sinh năm 1970; Có mặt.

Địa chỉ: Đường N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Duy Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, trình bày:

Trước đây, chị và anh Nguyễn Duy Đ có mối quan hệ là vợ chồng, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên chị và anh Đ đã ra Toà án đề giải quyết việc xin ly hôn. Ngày 15/11/2019 chị và anh Đ đã được Toà án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn.

+ Về tài sản chung, của vợ chồng anh chị đã tự thoả thuận với nhau nhưng do anh Đ không thực hiện như đã thoả thuận nên chị làm đơn ra Toà đề yêu cầu

Toà án phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân gồm các tài sản sau:

- 01 ngôi nhà gỗ, nền xi măng, mái lợp tôn và ngói và công trình phụ; diện tích khoảng 100 m² nằm thửa đất có diện tích 290,5 m² (7 m x 41,5 m) tọa lạc tại số nhà 20, Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn E, huyện E, Đắk Lắk, đất chưa có sổ đỏ, có tứ cận:

Phía Đ giáp đất nhà anh Nguyễn Mạnh H dài 41,5 m

Phía Tây giáp đất nhà anh Phạm Đình Hg dài 41,5m

Phía Nam giáp đất nhà anh I dài 07 m

Phía Bắc giáp đất đường N dài 07 m

Trị giá toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất đất là 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*) quyền sử dụng đất đang làm thủ tục cấp GCNQSD đất

-Tiền bán đất tại thôn 7 thị trấn E được 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng) bán năm 2018 số tiền này chị đang giữ.

Ngoài ra không có tài sản nào khác và không yêu cầu chia tài sản nào khác.

+ Về công nợ: Chị và anh Đ không còn nợ ai.

Chị có ý kiến là muốn được nhận nhà và đất vì hiện nay theo quyết định của Toà án chị đang nuôi 02 con một cháu đã trưởng thành và một cháu còn nhỏ, chị phải đi thuê nhà ở tạm nên chưa có chỗ ở ổn định cho con cái học hành trong khi đó hiện nay anh Đ đang ở một mình, nên anh Đ có thuận lợi hơn chị về chỗ ăn ở sinh hoạt và chị đồng ý trả tiền chênh lệch cho anh Đ theo quyết định của Toà án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Duy Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung thì anh đồng ý với lời trình bày của bị T.

Tổng tài sản mà anh và chị T đã thống nhất trị giá bằng tiền là 1.010.000.000đ (*Một tỷ không trăm mười triệu đồng*).

Ngoài ra, trong quá trình thụ lý giải quyết anh yêu cầu được chia đôi số tiền lãi của số tiền 310.000.000đ do chị T giữ từ tháng 4 năm 2018 cho anh theo lãi suất là 2,5%/tháng cho đến ngày Toà án giải quyết xong và tiền phụ cấp thu hút theo ND 76/219/ND-CP do trường tiểu học C trả cho chị T với tổng số tiền 240.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên toà sơ thẩm anh Đ xin rút lại yêu cầu này và không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Anh Đ có nguyện vọng xin nhận nhà và đất vì hiện nay anh không có người thân và không có chỗ ở, chị T đã có nhà ở và có công việc ổn định hàng tháng thu nhập 15.000.000đ.

Quá trình thụ lý giải quyết chị T và anh Đ đã tự thỏa thuận về trị giá ngôi nhà và thửa đất với tổng trị giá là 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*), sự thỏa thuận này là phù hợp với giá thực tế nên Toà án cấp sơ thẩm không tiến hành định giá đất mà căn cứ vào trị giá thực tế mà các bên đã tự thỏa thuận để làm cơ sở cho việc phân chia tài sản, các bên không có yêu cầu đề nghị gì khác

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 30/3/2022 của Toà án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

[1] Về tài sản chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị T được quản lý, sử dụng 01 ngôi nhà gỗ, nền xi

măng, mái lợp tôn và ngói và công trình phụ, diện tích 101 m² nằm trên thửa đất có diện tích 290,5 m² toạ lạc số nhà 20, Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn E, huyện E, Đắk Lắk, thửa đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tứ cận:

Phía Đ giáp đất nhà anh Nguyễn Mạnh H dài 41,5 m; Phía Tây giáp đất nhà anh Phạm Đình H dài 41,5m; Phía Nam giáp đất nhà anh Hoài dài 07 m; Phía Bắc giáp đường N dài 07 m. Trị giá toàn bộ nhà và đất là 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

- Tiền bán đất tại thôn 7 thị trấn E được 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng) bán tháng 4 năm 2018 số tiền này chị T đang giữ.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho anh Nguyễn Duy Đ số tiền 505.000.000đ (Năm trăm lẻ năm triệu đồng) là tiền chênh lệch khi chia tài sản chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/4/2022, bị đơn anh Nguyễn Duy Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án giao cho anh được quản lý sử dụng căn và đất, anh sẽ trả tiền chênh lệch cho chị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk; Đình chỉ phần yêu cầu của anh Nguyễn Duy Đ về việc đề nghị chia đôi tiền lãi đối với số tiền lãi của số tiền 310.000.000đ do chị T giữ từ tháng 4 năm 2018 theo lãi suất là 2,5%/tháng và tiền phụ cấp thu hút do trường tiểu học C trả cho chị T với tổng số tiền 240.000.000đ. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình chỵ của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Duy Đ, Hội đồng xét

xử xét thấy:

Cấp sơ thẩm xác định tài sản chung đang tranh chấp trong vụ án là phù hợp, các đương sự không có ý kiến gì nên xác định tài sản chung là trị giá quyền sử dụng đất và nhà ở là 700.000.000 đồng và số tiền 310.000.000 đồng mà chị T đang quản lý.

Quá trình sau ly hôn, anh Đ và chị T đã có tranh chấp đòi quyền nuôi con chung là cháu Nguyễn Lan H, Tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, chị T trình bày chị có nhà riêng và có thu nhập ổn định, môi trường sống tốt nên đủ khả năng nuôi con, Bản án số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021 của TAND huyện Ea Súp đã quyết định giao con chung là cháu Hương cho chị T được chăm sóc, nuôi dưỡng cho tới tuổi trưởng thành. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị T khai thời điểm đó chị đang mua nhà để đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hương, nhưng do anh Đ không đưa đủ tiền cho chị để thanh toán tiền nhà nên chị không mua được nhà để ở và hiện nay vẫn ở trọ, chưa có nơi ở ổn định. Tại Biên bản xác minh ngày 28/12/2021 (Bút lục 51) thể hiện, chị T hiện tại không có nhà ở ổn định tại thôn 9 thị trấn E mà ở nhờ nhà chị gái, lời trình bày của chị T là có căn cứ, phù hợp nên bản án sơ thẩm quyết định giao đất và tài sản trên đất là căn nhà cho chị T quản lý sử dụng và buộc chị T phải thanh toán tiền chênh lệch cho ông Đ, là phù hợp và bảo đảm việc nuôi dạy, chăm sóc con chung tới tuổi trưởng thành được ổn định và thuận lợi hơn, phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016. Tuy nhiên, do quyền sử dụng đất chưa được công nhận nên cần tạm giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho chị T quản lý sử dụng, chị T có quyền đi đăng ký làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Duy Đ có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là số tiền lãi của số tiền 310.000.000đ do chị T giữ từ tháng 4 năm 2018 theo lãi suất là 2,5%/tháng cho đến ngày Tòa án giải quyết xong và tiền phụ cấp thu hút theo NĐ 76/219/NĐ-CP do trường tiểu học C trả cho chị T với tổng số tiền 240.000.000đ. Tuy nhiên, sau đó anh Đ đã rút yêu cầu nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với các yêu cầu này là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Từ những lập luận trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Duy Đ, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ nên cần giữ nguyên.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Duy Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 217, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo bị đơn anh Nguyễn Duy Đ;

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

[1]. Tạm giao cho chị Nguyễn Thị T được quản lý, sử dụng 01 ngôi nhà gỗ, nền xi măng, mái lợp tôn và ngói và công trình phụ, diện tích 101 m² nằm trên thửa đất có diện tích 290,5 m² tọa lạc số nhà 20 đường N, thị trấn E, huyện E, Đắk Lắk, thửa đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận: Phía Đ giáp đất nhà anh Nguyễn Mạnh H dài 41,5 m; Phía Tây giáp đất nhà anh Phạm Đình H dài 41,5m; Phía Nam giáp đất nhà anh I dài 07 m; Phía Bắc giáp đường N dài 07 m. Trị giá toàn bộ nhà và đất là 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*).

Chị Nguyễn Thị T được quyền đi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất nói trên tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục giữ 310.000.000đ (*Ba trăm mười triệu đồng*) tiền bán đất tại thôn 7 thị trấn E (bán tháng 4 năm 2018).

[2]. Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho anh Nguyễn Duy Đ số tiền 505.000.000đ (*Năm trăm lẻ năm triệu đồng*) là tiền chênh lệch khi chia tài sản chung

[3] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của anh Nguyễn Duy Đ về việc: Đề nghị Tòa án chia đôi số tiền lãi của số tiền 310.000.000đ do chị T giữ từ tháng 4 năm 2018 theo lãi suất là 2,5%/tháng cho đến ngày Tòa án giải quyết xong và tiền phụ cấp thu hút theo ND 76/219/ND-CP do trường tiểu học C trả cho chị T với tổng số tiền 240.000.000đ.

[4]. *Án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm:* Bị đơn ông Nguyễn Duy Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **60AA/2021/0004520 ngày 12/4/2022** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND H. Ea Súp;
- Chi cục THADS H. E;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức